

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẮNG BÌNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 26-01-2021.

V/v “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẮNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình Trị.

2. Bà Đỗ Thị Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1993. Có mặt.

Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1987. Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L xây dựng gia đình vào năm 2016, có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 17/6/2016; việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ ruột của anh L tại Thôn T, xã B, huyện Thăng Bình nhưng vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên

xảy ra cãi vã; anh L xúc phạm danh dự nhân phẩm chị, gia đình chị và còn nhiều lần đánh đập chị. Vì vậy, chị đã bỏ con về nhà mẹ ruột sinh sống; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được và cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 04/8/2017. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Chị H không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn Ngọc L trình bày: Anh thống nhất với chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng ở xa nên không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau nên xảy ra cãi vã. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh thống nhất.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 04/8/2017. Anh L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh L không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L và giao con chung Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 04/8/2017 cho chị H nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Nguyễn Ngọc L tại Thôn T, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; chị H yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam vào ngày 17/6/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Theo chị H và anh L, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau và không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau nên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau; ngoài ra anh L còn nhiều lần đánh đập chị. Nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị H đã về nhà mẹ ruột sống; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2020 thể hiện: Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh L và chị H có xảy ra mâu thuẫn do nghi ngờ trai gái bên ngoài, dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau nên chị H và cháu Đ đã về nhà mẹ đẻ tại huyện Bắc Trà My sinh sống.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị H vẫn cương quyết ly hôn và anh L thống nhất ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm giữa chị H và anh L không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được và thực tế hiện nay chị H và anh L đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 04/8/2017. Chị H và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H và anh L đều có việc làm và thu nhập ổn định; chị H là giáo viên tiểu học thu nhập bình quân mỗi tháng 9.000.000 đồng và anh L làm công nhân cầu đường thu nhập bình quân mỗi tháng 12.000.000 đồng nên cả hai đều đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Đ đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo tốt việc nuôi dạy con. Anh L thường đi làm xa và ít có thời gian để chăm sóc con. Hơn nữa, cháu Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 04/8/2017 vẫn còn rất nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung:

Xử: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 04/8/2017 cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Anh Nguyễn Ngọc L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005682 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã B, huyện Thăng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã B, huyện Thăng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Thể